

TĂNG TRƯỞNG TỔNG SẢN PHẨM QUỐC NỘI VIỆT NAM TRONG MỖI QUAN HỆ SO SÁNH VỚI CÁC NƯỚC KHU VỰC ASEAN

PHẠM QUANG TÍN

Trường đại học Kinh tế- Đại học Đà Nẵng

Trong xu thế hội nhập và toàn cầu hoá hiện nay, việc nghiên cứu xem xét sự tăng trưởng, phát triển và chuyển dịch cơ cấu kinh tế một quốc gia theo thời gian là chưa đủ mà phải đặt trong mối quan hệ so sánh với các quốc gia khác trong khu vực và thế giới. Bài viết này nghiên cứu, xem xét sự tăng trưởng GDP Việt Nam trong mối quan hệ so sánh với các nước trong khu vực ASEAN.

1. Đặt vấn đề

Bước ngoặt kinh tế Việt Nam chuyển mình có tính đột phá bắt đầu từ Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV-1986. Đảng và Chính phủ có định hướng đổi mới ở tầm vĩ mô, chuyển đổi từ cơ chế kinh tế kế hoạch hóa tập trung sang cơ chế kinh tế thị trường có định hướng xã hội chủ nghĩa với tư tưởng chủ đạo: “*Nền kinh tế phải được quản lý bằng các phương pháp kinh tế là chủ yếu*” tạo tiền đề cho Việt Nam có những bước phát triển toàn diện về kinh tế, đời sống văn hóa xã hội. Xét về mặt kinh tế, những năm qua GDP Việt Nam liên tục tăng trưởng, năm sau cao hơn so với năm trước. Điều này, chứng tỏ sự thành công về công cuộc đổi mới của Đảng và Chính phủ.

Theo xu hướng toàn cầu hoá, sự tăng trưởng

và phát triển kinh tế - xã hội của mỗi quốc gia không thể đứng riêng lẻ bên ngoài sự phát triển kinh tế thế giới, Việt Nam đang từng bước vững chắc hội nhập vào nền kinh tế khu vực và thế giới. Vì vậy, nghiên cứu sự tăng trưởng GDP Việt Nam theo thời gian là hết sức cần thiết. Tuy nhiên, cần phải nghiên cứu theo không gian để rút ra những lợi thế và hạn chế trong quá trình tăng trưởng GDP Việt Nam so với các nước trong khu vực.

2. Tăng trưởng GDP Việt Nam giai đoạn 1996-2006

Căn cứ kết quả tính toán bảng 01 cho thấy, GDP Việt Nam trong giai đoạn 1996-2006 liên tục tăng trưởng qua các năm với tốc độ tăng bình quân 7,11% và giao động từ 4,47%-8,43%, tương ứng với mức tăng GDP tuyệt đối bình

Bảng 1: Tốc độ phát triển và tốc độ tăng GDP Việt Nam giai đoạn 1996-2006

Năm	Chỉ tiêu	GDP (tỷ đồng)	δ_i (tỷ đồng)	t_i (%)	a_i (%)	g_i (tỷ đồng)
1996		213.833,00	-	-	-	-
1997		231.264,00	17.431,00	108,15	8,15	2.138,33
1998		244.596,00	13.332,00	105,76	5,76	2.312,64
1999		256.272,00	11.676,00	104,77	4,77	2.445,96
2000		273.666,00	17.394,00	106,79	6,79	2.562,72
2001		292.535,00	18.869,00	106,89	6,89	2.736,66
2002		313.247,00	20.712,00	107,08	7,08	2.925,35
2003		336.242,00	22.995,00	107,34	7,34	3.132,47
2004		362.435,00	26.193,00	107,79	7,79	3.362,42
2005		392.989,00	30.554,00	108,43	8,43	3.624,35
Ước tính 2006		425.096,20	32.107,20	108,17	8,17	3.929,89
Bình quân 1996-2006		303.834,11	21.126,32	107,11	7,11	-

(Tính từ nguồn: Niên giám thống kê 2005, Công bố của Tổng cục Thống kê)

Trong đó: - δ_i : Lượng tăng GDP tuyệt đối liên hoàn
- t_i : Tốc độ phát triển GDP liên hoàn
- a_i : Tốc độ tăng GDP liên hoàn
- g_i : Giá trị 1% GDP tăng liên hoàn

Bảng 2, Tăng trưởng GDP các nước khu vực ASEAN giai đoạn 1996-2006

Đơn vị tính: %

Quốc gia	1996	1997	1998	1999	2000	2001	2002	2003	2004	2005	2006	Bình quân 1996-2006
Brunei	-	3,6	-4,0	2,6	2,8	3,0	2,8	3,2	4,0	0,4	3,7	2,2
Cambodia	-	6,8	3,7	10,8	7,0	7,6	5,2	7,0	7,7	13,4	5,0	7,6
Indonesia	-	4,7	-13,1	0,8	4,9	3,8	4,4	4,9	5,1	5,6	5,2	2,5
Lao	-	6,9	4,0	7,3	5,8	5,8	5,7	5,9	5,5	7,0	7,3	6,1
Malaysia	-	7,3	-7,4	6,1	8,9	0,3	4,4	5,4	7,1	5,2	5,5	4,2
Myanmar	-	5,7	5,8	10,9	13,7	11,3	12,0	13,8	5,0	13,2	7,0	9,7
Philippines	-	5,2	-0,6	3,4	4,4	3,3	4,4	4,5	6,0	5,0	5,0	4,0
Singapore	-	8,6	-0,8	6,8	9,6	-2,0	3,2	1,4	8,4	6,4	6,9	4,7
Thailand	-	-1,4	-10,5	4,4	4,8	2,2	5,3	6,9	6,1	4,5	4,5	2,5
Việt Nam	-	8,2	5,8	4,7	6,8	6,9	7,1	7,4	7,8	8,43	8,17	7,11
ASEAN	-	4,2	-7,1	3,6	5,9	3,5	5,0	5,4	6,1	6,6	5,79	3,8
ASEAN 5	-	3,8	-8,9	3,1	5,5	2,8	4,5	4,9	6,0	5,3	5,42	3,1

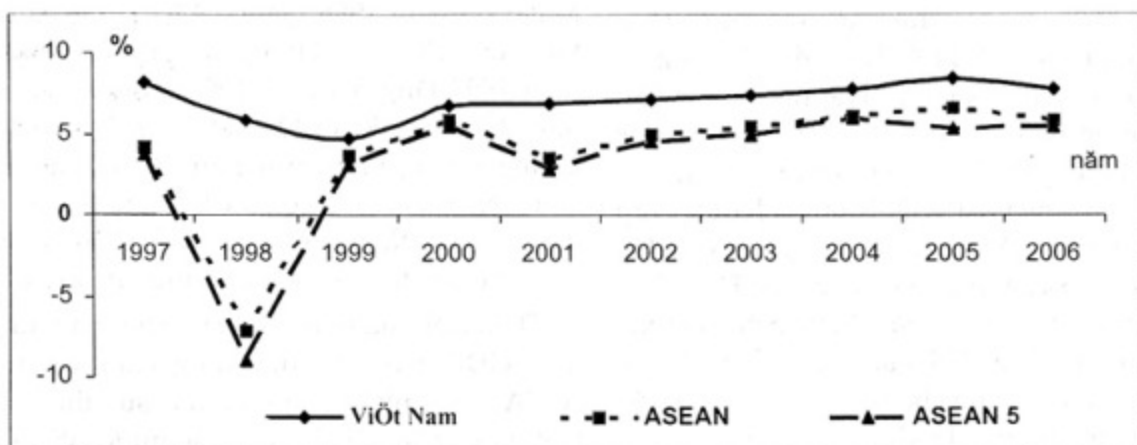
(Tính toán từ nguồn: Báo cáo Association of Southeast Asian Nations, International Monetary Fund, Niên giám thống kê Việt Nam 2005, Công bố của Tổng cục thống kê)
 Asean 5: Indonesia, Malaysia, Philippines, Singapore, Thailand,
 GDP: Tính theo giá cố định-constant prices

quân là 21.126,32 tỷ đồng, mức tăng mỗi năm giao động trong khoảng 11.676,00 tỷ đồng-32.107,20 tỷ đồng. Xét giá trị tuyệt đối 1% tăng GDP, giai đoạn 1996-2006 tăng liên tục. Năm 1997 tăng 2.138,33 tỷ đồng đến năm 2006 là 3.929,89 tỷ đồng. Sự tăng trưởng GDP giai đoạn 1996-2006 rất khả quan, phản ánh nền kinh tế Việt Nam tăng trưởng tương đối cao so với giai đoạn 1986-1990 - những năm bắt đầu thực hiện các chính sách đổi mới, tăng trưởng GDP Việt Nam bình quân chỉ 4,7% và lượng tăng tuyệt đối GDP bình quân mỗi năm chỉ 6.838,5 tỷ đồng.

Xem xét tăng trưởng GDP Việt Nam qua từng năm có thể chia giai đoạn 1996-2006 thành hai giai đoạn 1996-1999 và 2000-2006. Giai

đoạn 1996-1999, tốc độ tăng trưởng GDP có xu hướng giảm dần, năm 1998 chỉ tăng 5,76% giảm gần 2,4% so với năm 1997, năm 1999 có mức tăng trưởng thấp nhất 4,77%. Tốc độ tăng GDP bình quân 1996-1999 là 6,2%. Nguyên nhân của sự tăng trưởng chậm là do những năm 1997-1999, khu vực Châu Á Thái Bình Dương bị khủng hoảng kinh tế tất cả các nền kinh tế trong khu vực ít nhiều bị suy giảm và tác động dây chuyền đến nền kinh tế Việt Nam. Giai đoạn 2000-2006 GDP Việt Nam tăng trưởng tăng trưởng mạnh trở lại với mức tăng bình quân 7,6% và lượng tăng tuyệt đối bình quân là 25.238,37 tỷ đồng. Năm 2005 đạt mức tăng trưởng cao nhất 8,43%, cao hơn 0,28% so với năm 1997 và 3,66% so với năm có tốc độ tăng trưởng thấp nhất 1999.

Hình 1: Tốc độ tăng trưởng GDP Việt Nam, ASEAN và ASEAN 5 giai đoạn 1997-2006



Bảng 3: Lượng tăng tuyệt đối và giá trị 1% GDP tăng liên hoàn các nước khu vực ASEAN giai đoạn 1998-2006

Đơn vị tính: Triệu USD

Quốc gia	Chỉ tiêu	1998	1999	2000	2001	2002	2003	2004	2005	2006	Bình quân 1998-2006
Brunei	δ_i	-1.147	550	1.401	-400	242	714	1.315	1.659	1.951	698,33
	g_i	51,97	40,5	46	60,01	56,01	58,43	65,57	78,72	95,31	-
Cambodia	δ_i	-282	411	139	315	310	305	670	964	584	379,56
	g_i	33,87	31,05	35,16	36,55	39,7	42,8	45,85	52,55	62,19	-
Indonesia	δ_i	-132.939	49.236	10.816	-4.864	34.936	39.241	19.632	26.798	69.770	12.514
	g_i	2.384,08	1.054,69	1.547,05	1.655,21	1.606,57	1.955,93	2.348,34	2.544,66	2.812,64	-
Lao	δ_i	-472	187	262	27	57	319	363	374	579	188,44
	g_i	17,58	12,86	14,73	17,35	17,62	18,19	21,38	25,01	28,75	-
Malaysia	δ_i	-27.994	6.973	11.172	-2.319	7265	8.726	14.469	12.374	16.180	5.205,11
	g_i	1.001,69	721,75	791,48	903,2	880,01	952,66	1.039,92	1.184,61	1.308,35	-
Myanmar	δ_i	1.803	2.028	418	-2.427	300	3.689	319	1.365	851	927,33
	g_i	46,56	64,59	84,87	89,05	64,78	67,78	104,67	107,86	121,51	-
Philippines	δ_i	-17.140	9561	-245	-4.696	5.598	2.820	7.069	11.668	18.546	3.686,78
	g_i	837,36	665,96	761,57	759,12	712,16	768,14	796,34	867,03	983,71	-
Singapore	δ_i	-13.466	212	10.106	-7105	2856	4.259	14.775	9.273	16.750	4.184,44
	g_i	958,65	823,99	826,11	927,17	856,12	884,68	927,27	1.075,02	1.167,75	-
Thailand	δ_i	-39.031	10.770	95	-7.189	11.341	16.043	18.768	11.442	21.436	4.852,78
	g_i	1.508,91	1.118,6	1.226,3	1.227,25	1.155,36	1.268,77	1.429,2	1.616,88	1.731,3	-
Việt Nam	δ_i	319	1.541	2.486	1.337	2.575	4.459	5.790	6.058	3.867	3.159,11
	g_i	268,23	271,42	286,83	311,69	325,06	350,81	395,4	453,3	513,88	-

(Tính toán từ nguồn: Báo cáo International Monetary Fund, Association of Southeast Asian Nations)

GDP: Tính theo giá thị trường-current market prices

3. Tăng trưởng GDP các nước khu vực ASEAN

Số liệu bảng 2 cho thấy, tốc độ tăng trưởng GDP Việt Nam giai đoạn 1996-2006 khá cao so với các nước trong khu vực với mức tăng trưởng bình quân 7,11% đứng thứ 3 trong 10 quốc gia, thấp hơn so với Myanmar với tốc độ tăng trưởng bình quân 9,7% và Cambodia tốc độ tăng bình quân 7,6%. Nhìn chung toàn khu vực, tăng trưởng GDP Việt Nam bình quân gấp 1,86 lần so với ASEAN có tốc độ tăng GDP bình quân 3,8%, gấp 2,3 lần so với ASEAN 5 có tốc độ tăng GDP bình quân 3,1%. Nếu xem xét tốc độ tăng trưởng GDP của các quốc gia trong khu vực qua mỗi năm cho thấy, giai đoạn 1997-1999 kinh tế khu vực bị khủng hoảng. GDP các

nước có nền kinh tế mạnh trong khu vực đều suy giảm như: Indonesia năm 1998 giảm mạnh 13,1%, năm 1999 chỉ tăng 0,8%; Thailand năm 1997 giảm 1,4%, năm 1998 tiếp tục giảm 10,5%; Malaysia năm 1998 giảm 7,4%. Trong khi đó, kinh tế Việt Nam không ngừng tăng trưởng năm 1998 tăng 5,8% và 1999 tăng 4,7%. Điều này cho thấy, Kinh tế Việt Nam bị tác động khủng hoảng kinh tế ít hơn so với các nước ASEAN 5, đồng thời nó cũng phản ánh nền kinh tế Việt Nam hội nhập kinh tế thế giới và khu vực còn thấp so với các nước ASEAN 5.

Theo Kết quả tính ở bảng 3 cho thấy, lượng tăng GDP tuyệt đối qua từng năm, các nước ASEAN 5 có những năm kinh tế suy thoái. Đặc biệt năm 1998, GDP tất cả các nước ASEAN 5

Bảng 4: GDP bình quân đầu người các nước khu vực ASEAN giai đoạn 1996-2006

Đơn vị tính: USD

Quốc gia	1996	1997	1998	1999	2000	2001	2002	2003	2004	2005	2006
Brunei	17.339	17.209	13.065	14.511	18.465	16.820	17.135	18.788	21.989	25.759	30.376
Cambodia	315	291	255	281	285	302	317	333	373	430	459
Indonesia	1.264	1.184	516	746	807	773	928	1.100	1.176	1.283	1.581
Lao	388	357	255	286	329	326	329	378	432	485	570
Malaysia	4.764	4.623	3.254	3.485	3.844	3.665	3.884	4.161	4.652	5.042	5.570
Myanmar	109	100	134	173	178	129	130	197	199	219	230
Philippines	1.206	1.170	910	1.019	994	914	966	982	1.049	1.168	1.361
Singapore	25.219	25.268	21.009	20.909	23.075	20.724	21.210	22.157	25.354	26.839	30.162
Thailand	3.038	2.496	1.829	1.985	1.967	1.836	1.999	2.233	2.484	2.659	2.959
Việt Nam	337	361	360	374	401	413	440	489	553	618	655
ASEAN	1.538	1.432	950	1.093	1.157	1.089	1.193	1.324	1.455	1.581	1.823
ASEAN 5	2.013	1.865	1.202	1.390	1.473	1.382	1.525	1.687	1.851	2.007	2.331

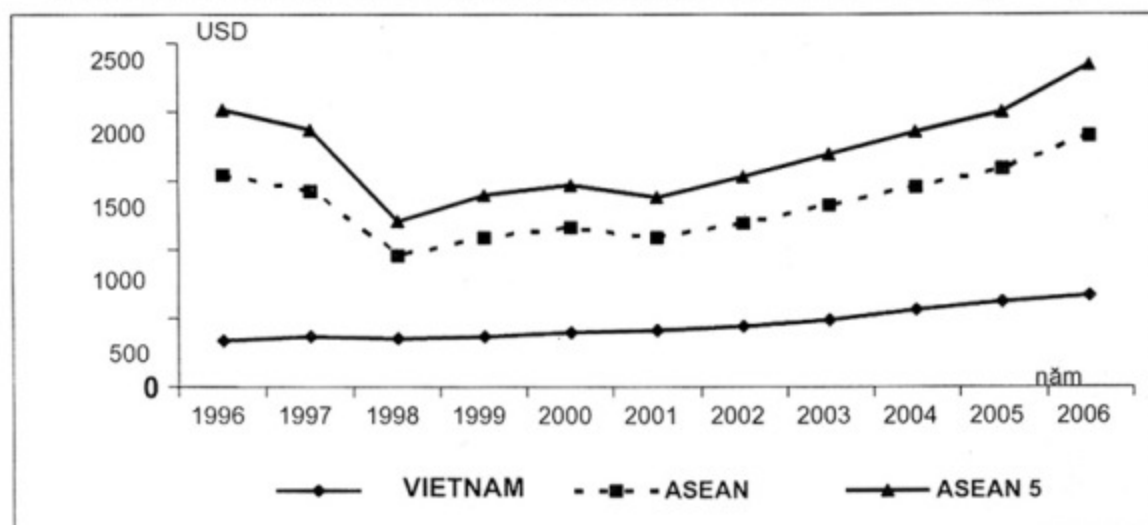
(Tính toán từ nguồn: Báo cáo International Monetary Fund, Association of Southeast Asian Nations)

GDP: Tính theo giá thị trường-current market prices

đều suy giảm mạnh: Indonesia năm 1998 giảm 132.939 triệu USD; Malaysia giảm 27.994 triệu USD; Philippines giảm 17.140 triệu USD; Singapore giảm 13.466 triệu USD và Thailand giảm 39.031 triệu USD. Năm 2001 GDP các nước ASEAN 5 tiếp tục giảm nhưng ở mức độ thấp hơn so với năm 1998. Trong khi đó, GDP Việt Nam không ngừng tăng, năm 1998 tăng 319 triệu USD, năm 2001 tăng 1.337 triệu USD. Tuy nhiên, xem xét cả giai đoạn 1998-2006 GDP Việt Nam liên tục tăng qua các năm nhưng mức tăng bình quân của cả thời kỳ chỉ đạt mức 3.159,11 triệu USD đứng thứ sáu trong khu vực và đứng sau các nước ASEAN 5. Tổng lượng tăng GDP tuyệt đối của Việt Nam cả giai đoạn 1998-2006 chỉ bằng 40,75% lượng tăng GDP tuyệt đối của Indonesia năm 2006 và 132% lượng

tăng GDP tuyệt đối của Thailand năm 2006.

Xét theo giá trị tuyệt đối 1% GDP tăng liên hoàn qua các năm, Việt Nam có mức tăng tương đối thấp, giao động trong khoảng 268,23 triệu USD- 513,88 triệu USD. Đứng thứ sáu trong khu vực cao hơn các số với các nước Brunei; Cambodia; Lao và Myanmar. Tuy nhiên, so với các quốc gia ASEAN 5, giá trị tuyệt đối 1% tăng GDP Việt Nam thấp hơn rất nhiều, Indonesia quốc gia có giá trị 1% GDP tăng cao nhất trong khu vực, nằm trong khoảng 1.054,69 triệu USD- 2.812,64 triệu USD (chỉ xét những năm có tốc độ tăng GDP dương) cao gấp 5,5 lần so với Việt Nam. Các quốc gia còn lại trong ASEAN 5, Thailand gấp 3,5 lần; Malaysia và Singapore gấp hơn 2,5 so với Việt Nam; Philippines có giá trị tuyệt đối 1% tăng

Hình 2: GDP bình quân đầu người Việt Nam, ASEAN và ASEAN 5 giai đoạn 1996-2006

GDP giao động trong khoảng 665,96 triệu USD- 983,71 triệu USD, đứng trên Việt Nam một bậc có giá trị tuyệt đối 1% tăng GDP cao hơn gấp 1,7 lần so với Việt Nam.

Kết hợp số liệu bảng 2 và 3 cho thấy, tốc độ tăng trưởng GDP Việt Nam bình quân 7,11%, đứng thứ 3 trong khu vực. Nhưng xét theo giá trị tuyệt đối 1% tăng GDP, Việt Nam có một khoảng cách quá xa so với ASEAN 5- những nước có nền kinh tế phát triển trong khu vực. Điều này, cho thấy quy mô nền kinh tế Việt Nam nhỏ hơn rất nhiều so với các nước phát triển trong khu vực.

Nghiên cứu sự biến động GDP phản ánh khối lượng sản phẩm vật chất và dịch vụ mới được tạo ra qua các năm, nó chưa phản ánh được khả năng cải thiện mức sống dân cư. Vì vậy, thông qua chỉ tiêu GDP bình quân đầu người cho phép nghiên cứu mức độ cải thiện đời sống các tầng lớp dân cư qua các năm. Số liệu bảng 4 cho thấy, GDP bình quân đầu người của Việt Nam giai đoạn 1996-2006 liên tục tăng qua các năm. Nếu như năm 1996 là 337 USD đến năm 2006 là 655 USD tăng 94,3% tương ứng giá trị tuyệt đối tăng 318 USD, bình quân mỗi năm tăng 31,8 USD. Xem xét giai đoạn 1996-1999, GDP bình quân đầu người Việt Nam tăng rất chậm, bình quân mỗi năm chỉ tăng 12,3 USD. Giai đoạn 2000-2006 tăng nhanh hơn, bình quân mỗi năm tăng 42,3 USD. Điều này cho thấy, những năm gần đây đời sống người dân Việt Nam được cải thiện đáng kể

Đặt trong mối tương quan so sánh Việt Nam với các nước trong khu vực. Giai đoạn 1996-2006 cho thấy, GDP bình quân đầu người Việt Nam giao động trong khoảng 337 USD-655 USD là quá thấp so với mức với mức chung ASEAN 1.538 USD-1.823 USD, khoảng cách thu nhập của Việt Nam so với ASEAN có giảm nhưng không đáng kể, chỉ 32 USD bình quân mỗi năm rút ngắn khoảng chênh lệch 3,2 USD. So với các nước ASEAN 5, theo số tương đối năm 1996 GDP bình quân đầu người Việt Nam bằng 16,7%, đến năm 2006 tăng lên 28,1% nhưng xét theo giá trị tuyệt đối gần như khoảng cách giữa Việt Nam và các nước ASEAN 5 không thay đổi, năm 1996 chênh lệch 1.676 USD và năm 2006 vẫn chênh lệch 1.676 USD. Nếu xét trong giai đoạn 2001-2006, khoảng cách GDP bình quân đầu người giữa Việt Nam so với ASEAN và ASEAN 5 có xu hướng tăng qua các năm. So với ASEAN, năm 2001 Việt Nam bằng 38% chênh lệch tuyệt đối 676 USD, đến năm 2006 chỉ còn 36%. Tuy nhiên, chênh lệch tuyệt đối tăng lên 1.168 USD. Bình quân giai đoạn 2001-2006, mỗi năm khoảng chênh lệch giữa Việt Nam so với

ASEAN tăng thêm 98,4 USD và so với ASEAN 5, năm 2001 chênh lệch 969 USD đến năm 2006 tăng lên 1.676 USD, khoảng chênh lệch tuyệt đối tăng thêm bình quân mỗi năm 141,4 USD. So với từng nước thành viên trong khu vực, Việt Nam đứng thứ 6 cao hơn Cambodia, Lao và Myanmar- những nước kém phát triển trong khu vực.

4. Kết luận

Kết quả nghiên cứu cho thấy, tốc độ tăng GDP của Việt Nam liên tục tăng qua các năm với mức tăng bình quân giai đoạn 1996-2006 là 7,11 %, đứng thứ ba trong toàn khu vực. Tuy nhiên, lượng tăng tuyệt đối và 1% GDP tăng liên hoàn giai đoạn 1998-2006 chỉ xếp thứ sáu trong khu vực. Lượng tăng tuyệt đối bình quân qua các năm 3.159,11 triệu USD và 1% GDP tăng liên hoàn giao động trong khoảng 268,43 triệu USD-513,88 triệu USD. Tổng lượng tăng GDP tuyệt đối của Việt Nam cả giai 1998-2006 chỉ bằng 40,75% lượng tăng GDP tuyệt đối của Indonesia năm 2006 và 132% lượng tăng GDP tuyệt đối của Thailand năm 2006. Đặc biệt chỉ tiêu GDP bình quân đầu người của Việt Nam rất thấp so mức chung của 10 quốc gia ASEAN. Điều đáng quan tâm, từ năm 2001 đến năm 2006 mức chênh lệch tuyệt đối GDP bình quân đầu người Việt Nam so với ASEAN và ASEAN 5 có xu hướng ngày càng cao. Khoảng cách chênh lệch mỗi năm tăng thêm 98,4 USD so với ASEAN và 141,4 USD so với ASEAN 5■.

Tài liệu tham khảo:

1. Đảng Cộng Sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI, NXB Sự Thật.
2. Trần Phước Trữ, Nghiên cứu biến động chỉ tiêu Tổng sản phẩm trong nước (GDP) (Thử nghiệm thực tế ở thành phố Đà Nẵng), Hà Nội 2004.
3. Lê Hữu Tăng-Lưu Hàm Nhạc, Nghiên cứu so sánh đổi mới kinh tế ở Việt Nam và cải cách kinh tế ở Trung Quốc, NXB Chính trị Quốc gia Hà Nội 2002.
4. Tổng sản phẩm trong nước 9 tháng năm 2006, Tạp chí Con số và sự kiện số 398, 10-2006.
5. Tổng Cục Thống Kê, Niên giám thống kê-Statistical Yearbook of Việt Nam 2005, NXB thống kê 2006.
6. Tổng cục Thống kê, Một số chỉ tiêu chủ yếu năm 2006 (www.gso.gov.vn)
7. Tổng hợp báo cáo của Association of Southeast Asian Nations.
8. Tổng hợp báo cáo của International Monetary Fund.